SỞ Y TẾ TP BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐK BẮC NINH SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 9872/QĐ-BVĐKBN2

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026 -2028

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 01/07/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 04/2025/NĐ-CP của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 9/9/2026 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc cung cấp, đăng tải về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/09/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi Thông tư 23/2013/TTBKHCN quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15/04/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/09/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/07/2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN;

Căn cứ Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 30/12/2019 quy định Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

Căn cứ tiêu chuẩn ISO 17025:2017 Yêu cầu chung về năng lực của các phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn đã được ban hành vào ngày 29/11/2017; Căn cứ tiêu chuẩn ISO 15189: 2022 Phòng xét nghiệm y tế - Các yêu cầu về chất lượng và năng lực đã được ban hành ngày 6/12/2022 thay thế cho tiêu chuẩn ISO 15189:2012;

Căn cứ Quyết định số 10099/QĐ-BVĐKBN2 ngày 31/12/2025 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc Phê duyệt Dự toán thu – chi năm 2026 - 2027;

Căn cứ Quyết định số 8112/QĐ-BVĐKBN2 ngày 21/8/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc Phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật gói thầu: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028 thuộc dự toán mua sắm: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028;

Căn cứ Quyết định số 8792/QĐ-BVT ngày 14/9/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc Phê duyệt điều chỉnh danh mục, số lượng, yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật gói thầu: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết

bị tại bệnh viện năm 2026-2028 thuộc dự toán mua sắm: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028;

Căn cứ Quyết định số 9682/QĐ-BVĐKBN2 ngày 09/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 về việc Phê duyệt giá gói thầu: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028 thuộc dự toán mua sắm: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028;

Căn cứ Quyết định số 9719/QĐ-BVĐKBN2 ngày 12/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh về việc thành lập Tổ chuyên gia đấu thầu Gói thầu: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028 thuộc dự toán mua sắm: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia đấu thầu gói thầu: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028 tại tờ trình ngày 13/10/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) tổ trưởng tổ chuyên gia Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT, Tổ chuyên gia.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 2

Hạ Bá Chân

PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028

(Kèm theo Quyết định số: 9872/QĐ-BVĐKBN2 ngày 14/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VND)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2	Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028	Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028 sử dụng tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2	**368.322.000 VND**	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn, xét theo từng phần của gói thầu	Một giai đoạn một túi hồ sơ	45 ngày	Quý IV, năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 368.322.000 VND *(Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng./.).*												

PHỤ LỤC 02: THÔNG TIN TỪNG PHẦN (LÔ) CỦA GÓI THẦU

Dự toán mua sắm: Kiểm định, hiệu chuẩn một số thiết bị tại bệnh viện năm 2026-2028

(Kèm theo Quyết định số 9872/QĐ-BVĐKBN2 ngày 14/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Tên phần lô	Giá ước tính từng lô (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Đơn vị tính Thời gian thực hiện gói thầu
1	Kiểm định hệ thống áp lực, khí y tế và thiết bị áp lực	62.370.000	24	Tháng
2	Kiểm định phương tiện đo nhóm 2	85.456.000	24	Tháng
3	Hiệu chuẩn nhiệt độ, độ ẩm và thiết bị bảo quản	106.488.000	24	Tháng
4	Hiệu chuẩn thiết bị phòng xét nghiệm	25.888.000	24	Tháng
5	Thử nghiệm phòng sạch và thiết bị vi sinh	88.120.000	24	Tháng

PHỤ LỤC 03: DANH MỤC, SỐ LƯỢNG CỦA DỊCH VỤ KÈM THEO

(Kèm theo Quyết định số: 9872/QĐ-BVĐKBN2 ngày 14/10/2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Danh mục hàng hoá/ Dịch vụ	Mô tả về dịch vụ, các yêu cầu về dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành Tiền (VND)
1	**Kiểm định hệ thống áp lực, khí y tế và thiết bị áp lực**					
1.1	Hệ thống đường ống dẫn khí y tế 4 bar	- Kiểm định theo QTKĐ: 05 – 2016/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Hệ thống	7.560.000	7.560.000
1.2	Hệ thống đường ống dẫn khí y tế 7 bar	- Kiểm định theo QTKĐ: 05 – 2016/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Hệ thống	7.560.000	7.560.000
1.3	Hệ thống đường ống dẫn khí y tế Oxy	- Kiểm định theo QTKĐ: 05 – 2016/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Hệ thống	7.560.000	7.560.000
1.4	Hệ thống đường ống dẫn khí y tế chân không VAC	- Kiểm định theo QTKĐ: 05 – 2016/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Hệ thống	7.560.000	7.560.000
1.5	Hệ thống đường ống dẫn khí y tế AGSS	- Kiểm định theo QTKĐ: 05 – 2016/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Hệ thống	7.560.000	7.560.000

STT	Danh mục hàng hoá/ Dịch vụ	Mô tả về dịch vụ, các yêu cầu về dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành Tiền (VND)
1.6	Hệ thống đường ống dẫn khí y tế CO2	- Kiểm định theo QTKĐ: 05 – 2016/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1	Hệ thống	7.560.000	7.560.000
1.7	Bồn chứa khí oxy hoá lỏng	- Kiểm định theo QTKĐ: 07 – 2016/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2	cái	1.620.000	3.240.000
1.8	Bình chứa khí nén	- Kiểm định theo QTKĐ: 07- 2016/BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	4	cái	648.000	2.592.000
1.9	Nồi hấp tiệt trùng	- Kiểm định theo QTKĐ: 07- 2016/BLĐTBXH của Bộ lao động thương binh xã hội	4	cái	648.000	2.592.000
1.10	Nồi hơi	- Kiểm định theo QTKĐ: 01- 2016/BLĐTBXH của Bộ lao động thương binh xã hội	2	cái	648.000	1.296.000
1.11	Van an toàn	- Kiểm tra hoặc kiểm định: Theo TCVN 7915-1: 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc theo ISO 4126-1:2013	45	cái	162.000	7.290.000
2	**Kiểm định phương tiện đo nhóm 2**					
2.1	Áp kế	- Kiểm định theo ĐLVN 08:2011 của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	60	cái	100.133,3333	6.008.000

STT	Danh mục hàng hoá/ Dịch vụ	Mô tả về dịch vụ, các yêu cầu về dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành Tiền (VND)
2.2	Cân đồng hồ lò xo (Cân sức khỏe)	- Kiểm định theo ĐLVN 30:2019 của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	80	cái	250.250	20.020.000
2.3	Cân đĩa (Cân sơ sinh điện tử)	- Kiểm định theo ĐLVN 15:2009 của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	2	cái	260.000	520.000
2.4	Huyết áp kế cơ	- Kiểm định theo ĐLVN 09:2011 của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	100	cái	100.100	10.010.000
2.5	Huyết áp kế điện tử	- Kiểm định theo ĐLVN 343:2020 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	5	cái	304.800	1.524.000
2.6	Nhiệt kế thủy ngân	- Kiểm định theo ĐLVN 21:2017 của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	100	cái	100.800	10.080.000
2.7	Thiết bị theo dõi nhiệt độ tự ghi	- Kiểm định theo ĐLVN 359:2022 của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	35	cái	378.000	13.230.000
2.8	Máy điện tim	- Kiểm định theo TT 07/2019/TT-BKHCN, phương tiện đo nhóm 2 (ĐLVN43:2017).	30	cái	802.133,33	24.064.000
3	**Hiệu chuẩn nhiệt độ, độ ẩm và thiết bị bảo quản**					
3.1	Nhiệt ẩm kế cơ	- Hiệu chuẩn nhiệt độ (°C). - Hiệu chuẩn độ ẩm (%). - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017	110	cái	324.000	35.640.000

STT	Danh mục hàng hoá/ Dịch vụ	Mô tả về dịch vụ, các yêu cầu về dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành Tiền (VND)
3.2	Nhiệt kế theo dõi nhiệt độ tủ lạnh	- Hiệu chuẩn nhiệt độ (°C). - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017	70	cái	324.000	22.680.000
3.3	Cân điện tử	- Hiệu chuẩn khối lượng. - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017.	2	cái	378.000	756.000
3.4	Nhiệt kế	- Hiệu chuẩn nhiệt độ (°C). - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017.	72	cái	324.000	23.328.000
3.5	Nhiệt ẩm kế	- Hiệu chuẩn nhiệt độ (°C). - Hiệu chuẩn độ ẩm (%). - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017.	18	cái	378.000	6.804.000
3.6	Tủ ấm	- Hiệu chuẩn nhiệt độ (°C) (1-2 điểm nhiệt). - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017.	4	cái	1.020.000	4.080.000
3.7	Tủ lạnh âm sâu	- Hiệu chuẩn nhiệt độ (°C) (1-2 điểm nhiệt). - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017.	6	cái	1.520.000	9.120.000
3.8	Tủ lạnh trữ máu	- Hiệu chuẩn nhiệt độ (°C). - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017.	4	cái	1.020.000	4.080.000

STT	Danh mục hàng hoá/ Dịch vụ	Mô tả về dịch vụ, các yêu cầu về dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành Tiền (VND)
4	**Hiệu chuẩn thiết bị phòng xét nghiệm**					
4.1	Máy ly tâm	- Hiệu chuẩn tốc độ vòng (rpm) ≥ 5 mức. - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017.	16	cái	864.000	13.824.000
4.2	Micropipet	- Hiệu chuẩn thể tích (µL). - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017.	18	cái	401.777,7778	7.232.000
4.3	Pipet thuỷ tinh bầu loại A	- Hiệu chuẩn thể tích. - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017.	12	cái	402.666,6667	4.832.000
5	**Thử nghiệm phòng sạch và thiết bị vi sinh**					
5.1	Nồi hấp	- Thử nghiệm phân bố nhiệt độ. - Thử nghiệm chỉ thị sinh học (BI) và chỉ thị hóa học (CI). - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017	6	cái	3.510.000	21.060.000
5.2	Tủ an toàn sinh học	Thử nghiệm: - Hiệu suất lọc HEPA cấp - Hiệu suất lọc HEPA thải - Hướng dòng khí - Đo tốc độ gió hút vào tủ - Đo tốc độ gió thổi xuống bề mặt - Đo độ rọi	15	cái	3.518.666,6667	52.780.000

STT	Danh mục hàng hoá/ Dịch vụ	Mô tả về dịch vụ, các yêu cầu về dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành Tiền (VND)
		- Đo cường độ đèn tím - Đo độ ồn - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017				
5.3	Tủ sạch	Thử nghiệm: - Hiệu suất lọc HEPA cấp - Hướng dòng khí - Đo tốc độ gió thổi xuống bề mặt làm việc - Đo đội rọi - Đo cường độ đèn tím - Đo độ ồn - Đơn vị thực hiện hiệu chuẩn phải đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2017.	4	cái	3.570.000	14.280.000
Tổng cộng *Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng./.*					**368.322.000**	

***Ghi chú:**

- Giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)… và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác